

PHỤ LỤC 3: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC 12 THÁNG NĂM 2020

(Đính kèm Công văn số 328 /UBND-KT ngày 01 tháng 02 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	405.828.000	371.384.589	91,51	90,32
I	Thu nội địa	278.628.000	254.382.346	91,30	94,40
1	Thu từ khu vực DNNN	28.522.000	24.086.324	84,45	93,94
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	75.900.000	63.291.032	83,39	97,19
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	76.846.000	67.265.480	87,53	100,66
4	Thuế thu nhập cá nhân	46.100.000	40.477.725	87,80	103,87
5	Thuế bảo vệ môi trường	12.000.000	9.857.288	82,14	85,13
6	Lệ phí trước bạ	7.800.000	5.655.133	72,50	76,47
7	Các loại phí, lệ phí	4.800.000	4.602.956	95,89	82,73
8	Các khoản thu về nhà, đất	15.600.000	13.214.683	84,71	61,90
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-8.283		-3.539,74
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300.000	409.377	136,46	97,96
-	Thu tiền sử dụng đất	10.000.000	7.587.692	75,88	51,79
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	5.000.000	4.957.839	99,16	82,20
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	300.000	268.058	89,35	107,30
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		22.826		
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	4.563.000	18.294.900	400,94	118,01
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	3.465.000	3.727.124	107,56	101,74
12	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi công sản khác, thu từ bán tài sản nhà nước và thu khác	3.032.000	3.886.875	128,20	49,53
II	Thu từ dầu thô	12.200.000	10.976.617	89,97	49,95
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	115.000.000	105.953.000	92,13	89,14
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	70.530.000	73.638.231	104,41	93,60
2	Thuế XNK, thuế TTĐB hàng hóa nhập khẩu	44.470.000	31.665.882	71,21	79,91

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	Thuế xuất khẩu	120.000	53.196	44,33	
	Thuế nhập khẩu	25.480.000	12.320.480	48,35	
	Thuế tiêu tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	12.500.000	6.374.819	51,00	
	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	100.000	39.083	39,08	
3	Thu khác		648.887		115,31
IV	Thu viện trợ		4.500		0,54
V	Các khoản huy động, đóng góp		68.126		115,28
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	75.487.960	65.495.046	86,76	84,02
1	Từ các khoản thu phân chia	40.377.960	34.459.904	85,34	99,45
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	35.110.000	31.035.142	88,39	71,67

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ